

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trần Hoàng T**, sinh ngày 09/01/1995;

CCCD số: 0830 9500 5806;

Cư trú: 92B ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà **Nguyễn Thị Trúc N**, sinh ngày 12/02/1995;

CCCD số: 0831 9501 2020;

Cư trú: 402B ấp Q, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N đăng ký kết hôn ngày 19/12/2022 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre cũ (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long). Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của ông T và bà N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyên A, sinh ngày 26/9/2023. Các đương sự thỏa thuận sau khi ly hôn ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sự thỏa thuận này là phù hợp theo Điều 55 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà N khai không có.

[4] Về các vấn đề khác: Ông T và bà N khai không có nợ chung.

[5] Lệ phí Tòa án: Ông T và bà N tự nguyện liên đới chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị Trúc N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có một con chung tên Trần Nguyên A, sinh ngày 26/9/2023. Giao cháu Trần Nguyên A cho ông Trần Hoàng T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Trúc N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị Trúc N khai không có nên không xem xét.

- Về các vấn đề khác: Ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị Trúc N khai không có nợ chung nên không có xem xét.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị Trúc N tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số: 0001907 ngày 14/8/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long; (1b);
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Giao Long, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thanh Như

